

Bản án số: 181/2025/HS - ST

Ngày: 11 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Vinh

Bà Trịnh Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 150/2025/HSST ngày 25/6/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2025/QĐXXST - HS ngày 15/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2025/HSST - QĐ ngày 01/8/2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T - sinh ngày 20/12/1990.

Số CCCD: 033090017972.

Nơi thường trú trước khi bị bắt: phường H, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị R; có vợ là Phạm Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2018 bị Công an thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000đ về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác. Năm 2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Đánh bạc” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2018/HS-ST ngày 16/5/2018. Thái đã chấp hành xong hình phạt, nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/10/2024 đến ngày 05/11/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn N - sinh ngày 30/8/1993.

Số CCCD: 034093002564.

Nơi thường trú trước khi bị bắt: Số nhà 284 đường T, phường H, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trần Quang Đ và bà Lương Thị O; có vợ là Trần Thị N và 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/10/2024 đến ngày 05/11/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Trung Đ - sinh ngày 20/8/1991.

Số CCCD: 038091053765.

Nơi thường trú trước khi bị bắt: Thôn 1, xã N, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Trung T và bà Trần Thị L; có vợ là Lê Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/10/2024 đến ngày 06/11/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Đặng Thị G - sinh ngày 04/3/1997.

Số CCCD: 042197011552.

Nơi thường trú trước khi bị bắt: Thôn Ngọc Đà, xã P, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông Đặng Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; chồng con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/10/2024 đến ngày 07/11/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:**

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Bà Hoàng Thị Bích Ái - Là luật sư thuộc Công ty Luật Năm Châu, Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hoá (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn N:* Bà Bùi Thị Hải - Là luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Hải Tiến, Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hoá. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị G:* Bà Nguyễn Thị Thái - Là luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Ninh Hoàng Gia (nay là Công ty TNHH Hoàng Gia Đạo), Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hoá. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung Đ:*

+ Ông Nguyễn Tùng Lâm - Là luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Ninh Hoàng Gia (nay là Công ty TNHH Hoàng Gia Đạo), Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hoá. (Có mặt).

+ Ông Trần Văn Hưng - Là luật sư thuộc Công ty Luật TNHH An Dân, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

+ Ông Nguyễn Văn Nghi - Là luật sư thuộc Công ty Luật TNHH An Dân, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt).

*** Người bị hại:**

- Tòng Thị H - sinh ngày 28/3/2010 (vắng mặt).

Trú tại: Bản Nà Phung, xã Nậm T, tỉnh Sơn La.

+ *Người đại diện hợp pháp cho bị hại Tòng Thị H:* Anh Tòng Văn P - sinh năm 1985 (bố đẻ) và chị Lường Thị V - sinh năm 1983 (mẹ đẻ). (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Bản Nà Phung, xã T, tỉnh Sơn La.

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Tòng Thị H:* Bà Lê Thu Hằng - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá. (Có mặt).

- Hà Thị L - sinh ngày 30/9/2009 (vắng mặt).

Trú tại: Bản Nà Phung, xã T, tỉnh Sơn La.

+ *Người đại diện hợp pháp cho bị hại Hà Thị L:* Chị Hà Thị Ban - sinh năm 1976 (mẹ đẻ) và anh Hà Văn Phim - sinh năm 1975 (bố đẻ). (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Bản Nà Phung, xã T, tỉnh Sơn La.

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Hà Thị L:* Bà Nguyễn Thị Quế - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cháu Tòng Thị H, sinh ngày 28/3/2010 và cháu Hà Thị L, sinh ngày 30/9/2009 cùng ở bản Nà Phung, xã T, tỉnh Sơn La đều làm nhân viên phục vụ các quán hát Karaoke dưới sự quản lý của Nguyễn Văn T và Trần Văn N. T, N đưa các cháu H, L và những người khác đi phục vụ bấm bài, rót bia tại các quán Karaoke trên địa bàn thị xã H, tỉnh Hưng Yên. Do công việc ít, suốt ngày ở trong nhà nên đầu tháng 8 năm 2024, cháu H trao đổi với bạn của mình là Quàng Kim O (sinh năm 2009, trú tại bản Khoong Tở, xã K, tỉnh Sơn La), thời điểm này cháu O đang làm nhân viên phục vụ tại quán Karaoke King Dragon tại MBQH khu đô thị Sao Mai, xã D, huyện Triệu Sơn do Đặng Thị G quản lý, điều hành.

Qua trao đổi thì Tòng Thị H nhờ O xin cho H và L vào làm cùng với O. O nói với G là có 02 người em L và H hiện đang làm nhân viên quán hát ở Hưng Yên, muốn về quán Karaoke của G làm thì G đồng ý và gọi điện thoại thuê Nguyễn Trung Đ lái xe ô tô ra thị xã H, tỉnh Hưng Yên đón L và H; (Nguyễn Trung Đ làm nghề lái xe taxi, nhiều lần đưa đón nhân viên, khách đến quán King Dragon, từ

ngày 29/8/2024, G thuê Đ làm quản lý tại quán King Dragon, công việc của Đ là sắp xếp phòng hát, thanh toán tiền cho khách, quản lý nhân viên nữ, đưa đón nhân viên nữ đi phục vụ tại các quán karaoke khác nếu có khách gọi; mỗi tháng G trả cho Đ 8.000.000 đồng tiền lương);

Rạng sáng ngày 03/8/2024, Đ điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát: 36A - 320.27 đến quán King Dragon đón Quàng Thị O, Hoàng Thị Ánh T1 đi cùng; O và T1 đều là nhân viên phục vụ quán hát Karaoke cho G; cả hai người này đều là người quen của L và H nên đi cùng Đ để liên lạc, tìm chỗ ở của L và H. Trước khi đi G đưa cho Đ ứng trước 2.000.000đ tiền thuê xe, G nói với Đ “ra đó đón người có vấn đề gì thì gọi cho G”.

Khoảng 09 giờ ngày 03/8/2024, Đ, T1, O đi đến thị xã H, tỉnh Hưng Yên nhưng không liên lạc được với L và H nên cả nhóm thuê nhà nghỉ ngủ. Đến trưa cùng ngày, cả nhóm dậy tìm được khu nhà trọ H và L đang ở. Cả nhóm gặp Nguyễn Văn T, Trần Văn N nói chuyện về việc muốn đón L và H về Thanh Hóa đi làm thi N, T không đồng ý. Sau đó, Hà Thị L, Tòng Thị H, Tòng Thị H1 ở phòng ngủ trên tầng hai đi xuống gặp T, O; còn Đ, N và T trao đổi riêng với nhau. N nói với T chi phí thuê xe, ăn uống đi đón L và H về khu trọ làm hết gần 10.000.000đ, cả hai thống nhất lấy thêm 5.000.000đ tiền công; tổng là 15.000.000đ. N và T yêu cầu Đ phải trả 15.000.000đ thì mới được đón L và H đi. Đạo gọi điện báo cho G thì G đồng ý và sử dụng tài khoản ngân hàng ViettinBank số 102872744425 của mình chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng MB số 0817471888 của Nguyễn Trung Đ số tiền 15.000.000đ. Sau khi nhận được tiền, Đ chuyển số tiền này vào tài khoản Ngân hàng MB số 99924219908888 của T rồi đưa L, H đi. Số tiền 15.000.000đ nhận từ Đ, T chuyển khoản cho N 10.050.000đ, giữ lại 4.950.000đ để chi phí sinh hoạt, ăn ở nuôi nhân viên chung.

Khi về quán karaoke King Dragon, G đưa thêm cho Đ 900.000đ tiền thuê nhà nghỉ, tiền ăn uống trong quá trình đi đón L và H. G tính với L và H tiền chi phí đi đón L và H hết 20.000.000đ, mỗi người phải trả cho G 10.000.000đ bằng hình thức đi làm trả nợ dần cho G, G sẽ trừ dần tiền nợ vào tiền lương trả hàng tháng.

Hồi 01 giờ 20 phút ngày 25/10/2024, khi Công an huyện Thọ Xuân kiểm tra tại Nhà nghỉ - Karaoke Hoàng Long ở khu phố 3, thị trấn V, huyện Thọ Xuân; thời điểm kiểm tra, tại quán Karaoke có các nhân viên phục vụ hát do Nguyễn Thị T2 (chủ quán) gọi đến để phục vụ, trong đó có cháu Tòng Thị H, Hà Thị L; Cơ quan điều tra đã triệu tập về làm việc, phát hiện vụ án Mua bán người dưới 16 tuổi như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu tím của T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax của N chuyển Cục thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa chờ xử lý;

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Đặng Thị G, Nguyễn Trung Đ đã thay G, Đ khắc phục cho bị hại L, H mỗi bị hại số tiền 3.500.000đ. L, H và đại diện gia đình không đề nghị các bị cáo N, T, G, Đ bồi thường thêm.

Tại bản Cáo trạng số 84/CT - VKS - P2 ngày 23/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N, Nguyễn Trung Đ và Đặng Thị G về tội: “Mua bán người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 151 của BLHS.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn T; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Trần Văn N; xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 151; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 54 của BLHS đối với bị cáo Đặng Thị G; xử phạt bị cáo Đặng Thị G từ 08 năm đến 09 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/10/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 151; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 54 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Trung Đ; xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ từ 08 năm đến 09 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/10/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Đặng Thị G, Nguyễn Trung Đ đã thay G, Đ khắc phục cho bị hại L, H mỗi bị hại số tiền 3.500.000đ. L, H và đại diện gia đình không đề nghị các bị cáo N, T, G, Đ bồi thường thêm.

- Về xử lý vật chứng: Trả lại cho các bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu tím của T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen của Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu đen của N.

- Về biện pháp tư pháp: Truy thu để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000đ, đây là tiền thu lợi bất chính từ hành vi mua bán người. Cụ thể: Truy thu của bị cáo N số tiền 10.050.000đ, bị cáo T số tiền 4.950.000đ.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:**

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, quá trình

điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo thiếu hiểu biết, vợ bị cáo không có nhà, các con còn nhỏ, mẹ già; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn N:* Thống nhất với tội danh và khung hình phạt của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo; bản thân bị cáo là trụ cột trong gia đình, chưa có tiền án tiền sự, có thời gian tham gia quân ngũ từ năm 2012 đến 2014 (tuy nhiên không xuất trình được tài liệu); bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị G:* Thống nhất với tội danh và khung hình phạt của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường cho các bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đầu thú; bản thân thiếu hiểu biết, tham gia tích cực đóng góp ủng hộ kinh phí hoạt động an sinh xã hội năm 2023, 2024 có xác nhận của chính quyền địa phương và đoàn xã nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 của BLHS xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình và thấp hơn mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung Đ:* Thống nhất với tội danh và khung hình phạt của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo; đã tác động đến gia đình bồi thường cho các bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo từng có thời gian đi nghĩa vụ quân sự từ năm 2010 - 2012 xuất ngũ; bố đẻ, ông nội của bị cáo tham gia hoạt động kháng chiến, được tặng thưởng Huân, Huy chương, bằng khen; gia đình có nhiều đóng góp cho các quỹ từ thiện, phong trào tại địa phương. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 của BLHS xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và thấp hơn mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại H:* Thống nhất với tội danh và khung hình phạt của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét xử lý nghiêm minh đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật, tuy nhiên cũng xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo đưa ra mức án phù hợp, nhưng cũng thấy được sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại L:* Thống nhất với tội danh và khung hình phạt của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị HĐXX căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ để cân nhắc khi xem xét hình phạt đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời sau cùng các bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Xác định: Ngày 03/8/2024 tại thị xã H, tỉnh Hưng Yên; Trần Văn N, Nguyễn Văn T đã có hành vi chuyển giao cháu Tòng Thị H, Hà Thị L cho Nguyễn Trung Đ, Đặng Thị G để lấy 15.000.000đ. N và T thực hiện hành vi với mục đích chuyển giao người để nhận tiền. Đ và G tiếp nhận người dưới 16 để giao tiền với mục đích đưa về làm nhân viên phục vụ quán hát Karaoke. Hai bị hại Hà Thị L và Tòng Thị H khi chuyển giao tính đến ngày 03/8/2024, H mới có 14 tuổi 04 tháng 06 ngày; L mới có 14 tuổi 10 tháng 04 ngày.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N, Nguyễn Trung Đ và Đặng Thị G đủ yếu tố cấu thành tội: “Mua bán

người dưới 16 tuổi”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 151 của Bộ luật hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá truy tố các bị cáo về tội: “Mua bán người dưới 16 tuổi” theo điểm c khoản 2 Điều 151 của BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn chia làm hai nhóm. Nhóm bán cháu H và L là T và N, theo đó ngày 03/8/2024, tại thị xã H, tỉnh Hưng Yên đã thực hiện chuyển giao (bán) cháu H và L (đều là người dưới 16 tuổi) để lấy 15.000.000đ; Do đó các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Văn N có vai trò ngang nhau. Nhóm mua hai cháu là Nguyễn Trung Đ - Đặng Thị G; Đ, G thực hiện hành vi nhận người dưới 16 để giao tiền với mục đích đưa về làm nhân viên phục vụ quán hát karaoke; trong đó G là người nói Đ đi ra H, Hưng Yên để đón 2 cháu về và dặn dò “*ra đó đón người có vấn đề gì thì gọi cho G*”. Ra đến nơi, khi được T - N yêu cầu chuyển tiền thì mới được đón người về thì Đ điện thoại về cho G, G chuyển cho Đ 15 triệu, Đ chuyển luôn số tiền này cho T để mua 2 cháu về. Do đó đối với nhóm mua cháu H và L thì Đặng Thị G có vai trò cao hơn Nguyễn Trung Đ.

[4] Đánh giá tính chất của vụ án, nhân thân của bị cáo: Đây là vụ án hình sự “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, nhưng chỉ vì mong muốn được hưởng lợi cá nhân mà các bị cáo đã xem con người như một món hàng hóa, thực hiện việc trao đổi, mua bán để trục lợi, đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, quyền tự do và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của trẻ em; xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan, tổ chức nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

Nguyễn Văn T thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Trần Văn N thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS

Đặng Thị G thành khẩn khai báo; đầu thú; đã tác động đến gia đình bồi thường cho các bị hại; các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tham gia tích cực đóng góp ủng hộ kinh phí hoạt động an sinh xã hội năm 2023, 2024 có xác nhận của chính quyền địa phương và đoàn xã nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Nguyễn Trung Đ thành khẩn khai báo; đã tác động đến gia đình bồi thường cho các bị hại; các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo từng có thời gian đi nghĩa vụ quân sự từ năm 2010 - 2012 xuất ngũ; bố đẻ, ông nội của bị cáo tham gia hoạt động kháng chiến, được tặng thưởng Huân, Huy chương, bằng khen; gia đình có nhiều đóng góp cho các quỹ từ thiện, phong trào tại địa phương nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét tính chất vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHS của các bị cáo, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo T có nhân thân xấu nên hình phạt cao hơn các bị cáo khác và cao hơn bị cáo N. Bị cáo Đặng Thị G và Nguyễn Trung Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bản thân bị cáo G lại là phụ nữ nên HĐXX xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Đ và G mức án bằng nhau và dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và đại diện hợp pháp cho bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Trả lại cho các bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu tím của T, số IMEI 1: 353975101930259, số IMEI 2: 353975102022262; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen của Đ số IMEI 1: 354703752025123, số IMEI 2: 354703752009150; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu đen của N, số IMEI 1: 353947104745075, số IMEI 2: 353947105707793.

[9] Về biện pháp tư pháp: Truy thu để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000đ, đây là tiền thu lời bất chính từ hành vi mua bán người. Cụ thể: Truy thu của bị cáo N số tiền 10.050.000đ, bị cáo T số tiền 4.950.000đ.

[10] Về tình tiết khác của vụ án:

- Đối với cháu Quàng Thị O, Hoàng Thị Ánh T1 là người đi cùng xe với Đ đến thị xã H, tỉnh Hưng Yên để đón cháu L và H; do O, T đều là bạn của L và H nên đi cùng để đón bạn về làm với mình. Khi Đ, N, T trao đổi với nhau về việc đưa H và L về Thanh Hóa thì phải trả số tiền 15.000.000đ thì cháu O, T1 không biết việc này. Do đó không có căn cứ để chứng minh O, T1 đồng phạm với Nguyễn Trung Đ;

- Đối với Trần Văn N, Nguyễn Văn T, Đặng Thị G, Phan Khương D (ở thị xã H, tỉnh Hưng Yên); sử dụng người dưới 18 tuổi làm nhân viên nam, nữ đưa

đón, phục vụ quán hát karaoke. Hành vi của các cá nhân này đã phạm vào Điều 29, Nghị định số 12/2022/NĐ - CP ngày 17/01/2022 của Chính phủ (*vi phạm quy định về lao động chưa thành niên*); Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa có văn bản đề nghị Công an các địa phương xem xét xử lý hành chính đối với các cá nhân này theo quy định.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Trần Văn N.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 151; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 54 của BLHS đối với bị cáo Đặng Thị G.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 151; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 54 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Trung Đ.

* Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N, Nguyễn Trung Đ và Đặng Thị G phạm tội: “Mua bán người dưới 16 tuổi”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 năm 06 tháng (*Mười hai năm, sáu tháng*) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 12 (*Mười hai*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2024.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị G 08 (*Tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/10/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ 08 (*Tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/10/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và đại diện hợp pháp cho bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 của BLHS 2015. Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu tím, điện thoại đã qua sử dụng; điện thoại gắn 01 thẻ sim, số IMEI 1: 353975101930259, số IMEI 2: 353975102022262.

- Trả lại cho Nguyễn Trung Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, điện thoại gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 354703752025123, số IMEI 2: 354703752009150.

- Trả lại cho Trần Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, điện thoại gắn 01 thẻ sim, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 353947104745075, số IMEI 2: 353947105707793.

(Toàn bộ số vật chứng trên đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/6/2025).

*** Về biện pháp tư pháp:**

Truy thu để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000đ, đây là tiền thu lời bất chính từ hành vi mua bán người. Cụ thể: Truy thu của bị cáo N số tiền 10.050.000đ (*Mười triệu, không trăm, năm mươi nghìn đồng*), bị cáo T số tiền 4.950.000đ (*Bốn triệu, chín trăm, năm mươi nghìn đồng*).

*** Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Các bị cáo mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Trưởng hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Toà phúc thẩm TANDTC;
- Viện phúc thẩm 1, VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá (P3);
- CQCSĐT Công an tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Thị Thu Thủy

